

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT KFDN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT KFDN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET KFDN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET KFDN JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502250577

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 14/04/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** 87/3 Ngọc Hà, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh  
Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành                                                                    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>Chi tiết: Sản xuất các chất phụ gia trong xây dựng                                                                                                                                                          | 2011(Chính)                                                                 |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu                                                                                                                                               | 4662                                                                        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng; hàng trang trí nội thất;<br>Mua bán tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Mua bán đồ ngũ kim<br>và vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng | 4663                                                                        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                   | 4210                                                                        |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                  | 4311                                                                        |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                       | 4312                                                                        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                   | 4321                                                                        |
| 8.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                          | 4933                                                                        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán các chất phụ gia trong xây dựng                                                                                                                                  | 4669                                                                        |
| 10. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình<br>điện đến 35KV, công trình đường ống cấp thoát nước                                                                     | 4290                                                                        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không<br>khí                                                                                                                                                                      | 4322                                                                        |
| 12. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê xe thi<br>công cơ giới: máy đào, máy ủi, máy lu, xe ben, xe bang, xe tải                                                 | 7730                                                                        |
| 13. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng cảng và bến cảng                                                                                                                                                              | 4390                                                                        |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình                                                                                                                                                         | 4330                                                                        |
| 15. | Xây dựng nhà các loại<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng                                                                                                                                                                         | 4100                                                                        |
| 16. |                                                                                                                                                                                                                                         | <i>Ngành, nghề chưa khớp<br/>mã với Hệ thống ngành<br/>kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ  
phần:

Tổng số cổ phần: 0

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**9. Danh sách cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSD N đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LỮ THỊ KIM HUYỀN      | 117/2 Đỗ Ngọc Thanh, Phường 15, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 15        | 024519351                                                                                                              |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 0         |                                                                                                                        |         |
| 2   | NGUYỄN ANH VÂN        | 61/9/2 Đất Thánh, Phường 9, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông | 300.000    | 3.000.000.000         | 15        | 023912298                                                                                                              |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số           | 300.000    | 3.000.000.000         | 0         |                                                                                                                        |         |
| 3   | HOÀNG THỊ PHƯƠNG LOAN | 87/3 Ngọc Hà, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam     | Cổ phần phổ thông | 1.400.000  | 14.000.000.000        | 70        | 273180787                                                                                                              |         |
|     |                       |                                                                                      | Tổng số           | 1.400.000  | 14.000.000.000        | 0         |                                                                                                                        |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HOÀNG THỊ PHƯƠNG LOAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 02/05/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273180787

Ngày cấp: 06/07/2001

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 87/3 Ngọc Hà, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 87/3 Ngọc Hà, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký:

Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu